

THƯ MỜI BÁO GIÁ(Lần 2)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế Ea Kar có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua sắm Trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế Ea Kar, Dự toán mua sắm trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn năm 2026 của Trung tâm Y tế Ea Kar với nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung công việc:

1.1. Danh mục hàng hóa: Mua sắm Trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế Ea Kar năm 2026. (Chi tiết tại phụ lục 1 bảng mô tả hàng hóa đính kèm).

1.2. Địa điểm cung cấp:

- Tại Trung tâm Y tế Ea Kar, số 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Mẫu báo giá:

Hãng sản xuất, nhà cung cấp báo giá theo mẫu báo giá chi tiết tại “Phụ lục 2” của Trung tâm Y tế.

Báo giá đã bao gồm thuế (VAT), thuế nhập khẩu (nếu có) chi phí đi lại và tất cả các chi phí liên quan kể cả phí vận chuyển đến Trung tâm Y tế Ea Kar số 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk.

2. Hồ sơ yêu cầu báo giá gồm:

- Báo giá chi tiết theo phụ lục kèm theo. (ghi rõ đơn giá, thành tiền, thuế GTGT nếu có) và tất cả các loại chi phí khác (nếu có).

- Các giấy tờ pháp lý liên quan: Giấy phép đăng ký kinh doanh, mã số thuế, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có); Tài liệu chứng minh đã từng cung cấp dịch vụ tương tự (nếu có).

3. Thời hạn gửi báo giá: Trước 16h00 ngày 17/3/2026.

- Hình thức gửi: Gửi qua đường bưu điện (Ghi rõ trên bì thư: "Báo giá - Không mở trước ngày 17/3/2026").

4. Địa chỉ nhận báo giá:

Trung tâm Y tế Ea Kar, Địa chỉ: Số 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Mỗi báo giá phải đáp ứng đủ các yêu cầu như trên, ngoài ra coi như không hợp lệ.

Trung tâm Y tế Ea Kar rất mong nhận được sự hợp tác từ các Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Phòng DS-TTGDSK (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục 1
Bảng mô tả hàng hóa

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TMBG-TTYT ngày /03/2026 của Trung tâm Y tế Ea Kar)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trang phục Bác sĩ + mũ	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biển công tác trên ngực trái.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:</p> <p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester.</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo.</p> <p>2. Quần Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương. Thành phần:</p>	Bộ	70

		<p>Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau. Quần nam: a) Màu sắc: Màu trắng. b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau, quần cạp 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>		
2	<p>Trang phục Dược sĩ + mũ</p>	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biển công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo:</p>	Bộ	32

		<p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo.</p> <p>2. Quần: Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo.</p> <p>Quần nam: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương</p>		
--	--	---	--	--

		<p>Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau</p> <p>3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>		
3	Trang phục kỹ thuật viên, cử nhân + mũ	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài bên công tác trên ngực trái.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:</p> <p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương</p> <p>Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester</p>	Bộ	36

Phụ lục 2
Mẫu báo giá

		<p>c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ ngay tới hông, có đai ngang lưng, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo.</p> <p>2. Quần:</p> <p>Quần nữ:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương</p> <p>Thành phần:</p> <p>Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester.</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo.</p> <p>Quần nam:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương.</p> <p>Thành phần:</p> <p>Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau</p>		
--	--	--	--	--

		<p>3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>		
4	Trang phục điều dưỡng, Hộ sinh, Y sĩ + mũ	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:</p> <p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester</p> <p>c) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có đai ngang lưng, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái; túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0.5cm; có in tên trung tâm logo trên ngực trái, giặt không phai logo.</p> <p>2. Quần: Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 5$</p>	Bộ	128

		<p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 52.4 x 135.7 ±0.2 Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, quần chun. Hoặc áo liền váy quy định tại khoản 1, 2 điều 5 Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế quy định về trang phục y tế</p> <p>Quần Nam: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): 644 x 328 ± 5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 52.4 x 135.7 ± 0.2 Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau</p> <p>3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.</p>		
5	Trang phục nhân viên hành chính	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu Trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều , kate Mỹ hoặc tương đương</p>	Bộ	70

		<p>Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 109.8 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $370 \times 304 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $36.2 \times 38.9 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.1) \times (0.1) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 81.7 ± 0.5 Rayon 18.3 ± 0.5. c) Kiểu dáng: Áo sơ mi cộc tay hoặc dài tay cơ bản, cổ Đức, cúc cài giữa, thân áo có chiết ly tạo eo. Có in tên logo trung tâm trên ngực trái, có túi trên ngực trái</p> <p>2. Quần tây: a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương</p> <p>Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu cơ bản, quần kéo khóa trước, thân trước 2 túi chéo, 01 túi hậu thân sau</p> <p>3. Zúyp nữ: a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương</p> <p>Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 5</p>		
--	--	---	--	--

		<p>Mật độ vải (Sợi/10 CM): 720 x 312 ± 5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 67.8x89.2 ±0.2 Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: váy văn phòng cơ bản, có cạp, khóa sau lưng, kéo hết cạp.</p>		
6	Trang phục lái xe	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài bên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): 720 x 312 ± 5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 67.8 x 89.2 ±0. 2 Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)± 0.2 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ Đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 02 túi có nắp, có khuy cài bên tên ngực trái 2. Quần tây: a) Màu sắc: Màu Xanh Đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần:</p>	Bộ	6

		<p>Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 02 ly, có 01 túi sau</p>		
7	Trang phục hộ lý+mũ	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:</p> <p>1. Áo, Quần</p> <p>a) Màu sắc : Xanh hòa bình b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều , kate ford hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 161.3 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $288 \times 270 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $28.5 \times 25.4 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-2.9) \times (-2.1) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 65.0 ± 0.5 Coton 35.0 ± 0.5 c) Kiểu dáng: Áo: áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 02 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, giặt không phai logo. Quần: quần âu 2 ly, 02 túi chéo (quần nam có 01 túi sau).</p> <p>2. Mũ: theo màu sắc của áo</p>	Bộ	14

8	Trang phục Bảo vệ+mũ	<p>I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái.</p> <p>II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:</p> <p>1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh Coban sẫm b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều, kate ford hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 161.3 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $272 \times 292 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $30.9 \times 31.5 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.4) \times (-1.5) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 66.1 ± 0.5 Coton 33.9 ± 0.5 c) Kiểu dáng: Áo cổ Đứcc, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, 02 túi có nắp,có khuy cài biên tên trên ngực trái</p> <p>2. Quần : a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều, kaki hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 226.7 ± 5 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $436 \times 214 \pm 5$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 1-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $47.8 \times 29.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.2) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 84.9 ± 0.5</p>	Bộ	8
---	---------------------------------	---	----	---

		Coton 15.1 ± 0.5 c) Kiểu dáng: Quần âu 02 ly, có 01 túi sau 3. Mũ: Mũ kiểu kê pi cùng màu với áo.		
Tổng cộng: 08 khoản				364

Phụ lục 2**TÊN CÔNG TY****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**BÁO GIÁ**

Trên cơ sở thư mời báo giá số /TMBG-TTYT ngày / /2026 của Trung tâm Y tế huyện Ea Kar, chúng tôi.....
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; Trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa (2)	Hãng sản xuất- Nước sản xuất (3)	Năm sản xuất (4)	Tính năng, thông số kỹ thuật (5)	Đơn vị tính (6)	Số lượng (7)	Đơn giá (bao gồm VAT) (8)	Thành tiền (VND) (9)
1								
2								
.....								

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp ⁽¹⁰⁾
(Ký tên, đóng dấu)**

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “ Tên hàng hóa” trong thư mời báo giá.
 - (3), (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Hãng sản xuất-Nước sản xuất, năm sản xuất của hàng hóa.
 - (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin về Tính năng, thông số kỹ thuật của hãng sản xuất phù hợp với thông tin tại Phụ lục 1 Bảng mô tả danh mục hàng hóa của thư mời báo giá.
 - (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính theo đúng đơn vị tính nêu trong thư mời báo giá.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong thư mời báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá (bao gồm VAT) tương ứng với từng hàng hóa.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí đi lại để may đo và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong thư báo giá.
 - (10) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.